

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 12/4/2019
V/v Tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hoanh

2. Ông Nguyễn Đình Bạ

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ái Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Kim H, địa chỉ: khu M, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; *có mặt*

Bị đơn: Ông Trương D; địa chỉ: khu M, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; *có đơn xin vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2019 và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Kim H trình bày:

Năm 1988, bà và ông Trương D tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do ông D thường xuyên rượu chè, cờ bạc, nghiện ma túy về đánh đập bà, đe dọa giết bà, đuổi bà ra khỏi nhà. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2017 đến nay.

Nay bà H xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương D để bà được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Về con chung vợ chồng có 4 cháu là Trương Thị L1, sinh ngày 30/4/1988, Trương Thị L2, sinh ngày 01/5/1991, Trương Thị O, sinh ngày 14/9/1993 và Trương Triệu T, sinh ngày 05/10/1998, hiện các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa can thiệp.

Vợ chồng bà tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa can thiệp.

Tại hồ sơ vụ án bị đơn ông Trương D trình bày:

Ông D đồng ý với lời trình bày của bà Lê Thị Kim H về quan hệ hôn nhân của vợ chồng nhưng theo ông nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi vấn đề, nhất là về tiền bạc và cách giáo dục con cái nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nhau. Bà H tự ý bỏ nhà đi sinh sống nơi khác nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông D thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung ông D thống nhất với lời khai của bà H là 04 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa can thiệp.

Vợ chồng ông tự thỏa thuận về tài sản chung và vợ chồng không có nợ chung nên ông D không yêu cầu Tòa can thiệp.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn Lê Thị Kim H thực hiện việc khởi kiện, cung cấp chứng cứ và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Riêng đối với bị đơn Trương D có đơn yêu cầu Tòa giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D tại phiên tòa hôm nay là đúng quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà H đã thật sự trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của Bà H được ly hôn với ông D theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về con chung: các con chung đã trưởng thành nên không can thiệp. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên không can thiệp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị Kim H thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn Trương D vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải lần thứ hai vào ngày 15/3/2019 không có lý do chính đáng. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Trương D có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Kim H và ông Trương D thì thấy ông bà đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N theo quy định pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của ông D và bà H thì thấy sau khi kết hôn, trong cuộc sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H là do ông D thường xuyên cờ bạc, rượu chè, nghiện hút về gây gỗ, đánh đập bà. Còn theo ông D giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống, nhất là về tiền bạc và quan điểm giáo dục con cái nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát, xúc phạm nhau. Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bà H cương quyết xin ly hôn. Ông D thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nhưng không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã nhiều lần kiên trì hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ chung sống nhưng mâu thuẫn không được giải quyết, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung*: Xét các con chung của vợ chồng đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không can thiệp.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bà H và ông D không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: bà H và ông D khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên xử cho bà Lê Thị Kim H được ly hôn với ông Trương D.

- *Về án phí* kiện xin ly hôn số tiền chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) bà Lê Thị Kim H phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) bà H đã nộp theo biên lai thu số 0003095 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Đ.

- *Về quyền kháng cáo*: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Các cơ quan tiến hành tố tụng*
- *Các đương sự*
- *UBND tt N*
- *Lưu hồ sơ*

Nguyễn Thị Hồng Phượng

